TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2023/DS-PT
Ngày: 26-6-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu;

Bà Nguyễn Thị An Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Nguyệt Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/TLPT-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2023/DS-ST, ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 185/2023/QĐ-PT, ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Ngọc Tr, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Số A, đường T, khu phố B, phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Văn R (4 Ngự), sinh năm 1956; địa chỉ cư trú: Tổ Y, ấp B, xã Th, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Trần Thị V, sinh năm 1958; địa chỉ cư trú: Tổ Y, ấp B, xã Th, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

+ Chị Phạm Thuy H, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Tổ Y, ấp B, xã Th, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người kháng cáo*: Ông Phạm Văn R – là bị đơn; bà Trần Thị V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trog vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29-11-2022, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Ngọc Tr trình bày: Chị là chủ thảo dây hụi 10.000.000 đồng/tháng, khui ngày 15-5-2021 dương lịch gồm 24 phần, mãn hụi vào ngày 15-4-2023, trong đó ông "4 Ngự" tên thật là Phạm Văn R có tham gia 01 phần hụi. Ông R đã hốt hụi kỳ hụi thứ 1 vào ngày 15-5-2021, kêu hụi với giá 2.300.000 đồng, sau khi trừ tiền hoa hồng 5.000.000 đồng, Ông R được hốt hụi với số tiền 172.100.000 đồng, khi nhận tiền hụi Ông R có ký tên, ghi họ và tên vào giấy đăng hụi.

Hàng tháng Ông R nhờ chị Phạm Thuỵ H (con ruột của Ông R) đóng tiền hụi chết cho ông, tổng cộng chị H đóng được 88.000.000 đồng. Từ tháng 12-2021 Ông R đóng tiền hụi chết không đầy đủ mỗi kỳ hụi đóng được 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, đến tháng 12-2022 Ông R ngưng đóng hụi. Tính đến nay Ông R còn nợ chị số tiền hụi chết là 142.000.000 đồng, đã bao gồm cả tiền lãi hụi.

Theo đơn khởi kiện ngày 29-11-2022 chị Tr yêu cầu vợ chồng Ông R, bà V liên đới trả cho chị số tiền nợ hụi 180.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Nay chị yêu cầu vợ chồng Ông R, bà V có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền hụi chết còn nợ là 142.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi tiền hụi.

Bị đơn ông Phạm Văn R trình bày: Ông có tên thường gọi là " Tư ngự", ông là cha ruột của chị Phạm Thuỵ H. Ông không tham gia góp dây hụi 10.000.000đồng/tháng do chị Tr làm chủ thảo hụi, người góp dây hụi này là chị H. Ngày 15-5-2021 dương lịch chị H có gọi điện nhờ vợ chồng ông đến nhà chị Tr để nhận giùm tiền đăng hụi nên ông có ký tên đã nhận đủ số tiền đăng hụi là 172.100.000 đồng vào bản chính giấy đăng hụi của chị Tr. Sau đó ông đã về giao đủ số tiền này cho chị H. Hàng tháng chị H là người trực tiếp đóng tiền hụi chết cho chị Tr, ông không đóng tiền hụi chết nên không biết hiện nay còn nợ chị Tr bao nhiêu tiền.

Do chị H là người góp hụi với chị Tr nên chị H phải có trách nhiệm trả số tiền hụi còn nợ là 142.000.000 đồng cho chị Tr, vợ chồng ông không đồng ý trả tiền nợ hụi theo yêu cầu khởi kiện của chị Tr.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị V trình bày: Ngày 15-5-2021 dương lịch, bà cùng Ông R đến nhà chị Tr để lấy tiền đăng hụi giùm chị H. Vợ chồng bà không tham gia chơi hụi của chị Tr, người chơi hụi là chị Phạm Thuỵ H do vậy chị H phải có trách nhiệm trả số tiền hụi chết 142.000.000 đồng cho chị Tr. Vợ chồng bà không đồng ý trả tiền hụi theo yêu cầu khởi kiện của chị Tr.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thuỵ H trình bày: Chị là con ruột của Ông R, bà V. Chị có tham gia góp 01 phần hụi của dây hụi 10.000.000 đồng/tháng khui ngày 15-5-2021 dương lịch, gồm 24 phần do chị Tr làm chủ thảo. Chị không nhận được danh sách hụi viên, kỳ hụi thứ 1 chị kêu hụi là

2.300.000 đồng nên được hốt hụi và có nhờ Ông R, bà V đến nhà chị Tr để nhận số tiền đăng hụi là 172.100.000 đồng giùm chị. Ông R có ký tên vào giấy đăng hụi giao cho chị Tr giữ bản chính, sau đó Ông R đã giao lại số tiền đăng hụi cho chị.

Hàng tháng chị là người trực tiếp đóng tiền hụi chết cho chị Tr hoặc anh Quỳnh (em ruột chị Tr), tổng cộng đã đóng được số tiền 88.000.000 đồng, nay chị xác định còn nợ tiền hụi chết của chị Tr là 230.000.000 đồng (23 kỳ hụi x 10.000.000đồng/tháng) – 88.000.000 đồng = 142.000.000 đồng. Chị sẽ chịu trách nhiệm trả số tiền hụi 142.000.000 đồng cho chị Tr, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Tr buộc Ông R, bà V phải trả tiền nợ hụi.

Bản án sơ thẩm số 35/2023/DS-ST, ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ hụi, biêu, phường; Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc Tr đối với ông Phạm Văn R, bà Trần Thị V về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Buộc vợ chồng ông Phạm Văn R và bà Trần Thị V có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trần Ngọc Tr số tiền nợ hụi còn lại là 142.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu) đồng. Ghi nhận chị Tr không yêu cầu tính lãi tiền hụi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/4/2023, ông Phạm Văn R và bà Trần Thị V có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2023/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng Ông R và bà V không trả nợ hụi thay cho chị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông R, bà V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Chị H đồng ý trả cho chị Tr tiền hụi chết còn nợ 142.000.000 đồng, xin mỗi tháng trả 3.000.000 đồng.

Chị Tr yêu cầu vợ chồng Ông R và bà V trả cho chị số tiền nợ hụi 142.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Không đồng ý chị H trả tiền nợ hụi cho chị.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

- *Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ông R, bà V. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 35/2023/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Ông R, bà V làm trong thời hạn quy định, phù hợp với quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của Ông R và bà V, thấy rằng:

[2.1] Chị Tr khởi kiện yêu cầu vợ chồng Ông R, bà V trả số tiền nợ hụi 180.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, chị Tr thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Ông R, bà V có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi là 142.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi hụi vì chị đã đăng tiền hụi cho Ông R có giấy tờ, Ông R là người góp hụi và ký nhận tiền đăng hụi. Ông R, bà V thừa nhận Ông R có tên khác là "Tư Ngự", Ông R có nhận tiền đăng hụi là 172.100.000 đồng nhưng cho rằng không tham gia góp hụi mà nhận tiền hụi giùm con là chị H.

[2.2] Căn cứ vào bản chính danh sách hụi viên của dây hụi 10.000.000 đồng/tháng khui ngày 15-5-2021 dương lịch, hụi mãn ngày 15-4-2023 dương lịch do chị Tr cung cấp (*tại bút lục 79*) thể hiện dây hụi này gồm 24 hụi viên tham gia, tại thứ tự số "*4*" có ghi hụi viên "*chú 4 ngự*" có tham gia 01 phần hụi, hốt kỳ hụi thứ 1. Tại giấy đăng hụi ngày 15-5-2021 (*bút lục 40*) thể hiện nội dung "*Chú Tư ngự hốt 2.300.000, 23 phần sống x 7.700.000=177.100.000 trừ cò 5.000.000 còn lại 172.100.000 (Một trăm bảy mươi hai triệu một trăm ngàn đồng), đã nhận đủ có chữ ký ghi rõ họ tên Phạm Văn R";* không thể hiện nhận giùm tiền hụi. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định Ông R là người góp hụi và hốt hụi dây hụi 10.000.000 đồng/tháng khui ngày 15-5-2021 do chị Tr làm chủ thảo hụi. Ông R, bà V cho rằng chị H là người góp hụi nhờ vợ chồng ông bà nhận tiền hụi giùm nhưng Ông R, bà V, chị H không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc Ông R nhận tiền hụi giùm chị H.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thống nhất số tiền hụi chết còn nợ chị Tr là: (23 kỳ hụi x 10.000.000 đồng/kỳ hụi) – 88.000.000 đồng = 142.000.000 đồng.

[2.4] Bà V thừa nhận vào ngày 15-5-2021 dương lịch, bà có đi cùng Ông R đến nhà chị Tr để nhận tiền đăng hụi. Ông R, bà V là vợ chồng chung sống với

nhau từ năm 1976 cho đến nay vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân, nợ hụi trong thời kỳ hôn nhân của ông bà nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc Ông R và bà V có nghĩa vụ trả cho chị Tr số tiền 142.000.000 đồng có có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.5] Ông R, bà V kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.6] Từ những phân tích trên, xét thấy Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá chứng cứ khách quan, toàn diện chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chi Trầm là có căn cứ; không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông R, bà V; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Ông R, bà V; giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông R, bà V là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp tạm ứng án phí và án phí nên được miễn tiền án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn R và bà Trần Thị V.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2023/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc Tr đối với ông Phạm Văn R, bà Trần Thị V về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Buộc vợ chồng ông Phạm Văn R và bà Trần Thị V có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trần Ngọc Tr số tiền nợ hụi còn lại là 142.000.000 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu) đồng. Ghi nhận chị Tr không yêu cầu tính lãi tiền hụi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn R và bà Trần Thị V được miễn án phí.

Chị Trần Ngọc Tr không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho chị Tr số tiền 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng chị Tr đã nộp

theo Biên lai thu số: 0018059 ngày 16-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Phạm Văn R và bà Trần Thị V được miễn án phí.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND h. C;
- CCTHADS h. C;
- Phòng KTNV & THA TAT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trương Thị Tuyền